

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày: 02-3-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Khoa

Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Điềm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T; tên gọi khác: Không, sinh năm 1994 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Tổ 13, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; tạm trú: xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành N (chết) và bà Trần Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Hồng B, sinh năm 1977; trú tại: xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt)

2. Phạm Hồng Tr, sinh năm 1989; trú tại: khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

3. Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1994; trú tại: khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

4. Ông Bùi Hữu Ng, sinh năm 1987; trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; tạm trú: khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Bà Phạm Thị U, sinh năm 1987; trú tại: khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 17/7/2020, tại quán cà phê U thuộc khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phối hợp với Công an phường K bắt quả tang 04 đối tượng có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy gồm Nguyễn Thành T, Bùi Hữu Nghị, Nguyễn Ngọc Sơn và Phạm Hồng Trường.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 08 giờ 15 phút ngày 17/7/2020, Nguyễn Thành T đến ngã tư gần quán cà phê U gặp một người đàn ông tên T1 (không rõ nhân thân, địa chỉ) mua 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ. T cất giấu gói ma túy vào túi quần rồi đi đến quán cà phê U để sử dụng. Tại đây, T gặp Ng, Tr đang ngồi uống cà phê tại chòi số 6 nên ngồi uống cùng. Sau đó S đến uống cà phê chung và hỏi T “Sao ngồi chán vậy?”. T nghĩ góp tiền để lấy ma túy sử dụng nên hỏi S “Có tiền không?” S và Ng trả lời “Có 100.000 đồng”. T lấy gói ma túy của mình ra bỏ lên bàn, Tr chỉ chỗ để T đi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy mà Tr nhặt được trước đó và cất giấu ở chòi số 7. Khi T đem bộ dụng cụ quay lại thì Tr lấy kéo cắt gói ma túy ra và cho vào bộ dụng cụ để cả nhóm chuẩn bị cùng sử dụng thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang cùng với tang vật chứng.

Nguyễn Thành T khai nhận mục đích T mua gói ma túy là để một mình T sử dụng nhưng khi Sơn hỏi T “Sao ngồi chán vậy?” thì T có ý định rủ góp tiền lấy ma túy ra sử dụng. Vì S và Ng đều nói có tiền nên T đưa gói ma túy ra sử dụng xong rồi mới nói S và Ng góp tiền. T thừa nhận không có mục đích tổ chức sử dụng hay bán ma túy để kiếm lời.

Nguyễn Ngọc S khai nhận: S đến quán cà phê U thì gặp T, Ng và Tr chứ không hẹn trước. Vì cả T, Ng và Tr ngồi uống cà phê đều bấm điện thoại nên S hỏi “Sao ngồi chán vậy?” và T hỏi S “Còn tiền không?” thì S trả lời “Còn 100.000 đồng”. Sau đó, T để gói ma túy lên bàn thì S mới biết T có mang theo ma túy và nghĩ là T rủ sử dụng ma túy.

Phạm Hồng Tr khai nhận: khoảng 8 giờ ngày 17/7/2020, Tr đến quán cà phê U để uống cà phê. Khi đến quán vô tình gặp Ng nên cả hai cùng uống cà phê tại chòi số 6. Một lúc sau, T và S đến, S nói chán quá, không có gì chơi. T

hỏi còn tiền không, cả Sơn và Nghị trả lời “Còn 100.000 đồng”. Khi T để gói ma túy trên bàn thì nghĩ T rủ sử dụng ma túy nên đã lấy kéo cắt gói ma túy cho vào bộ dụng cụ để tất cả cùng sử dụng.

Bùi Hữu Ng khai nhận đến quán cà phê U để uống cà phê. Tại đây, Ng gặp S, T và Tr. Khi T hỏi thì Ng trả lời “có 100.000 đồng” nhưng không rõ mục đích T hỏi để làm gì. T không nói gì việc góp tiền mua ma túy sử dụng nhưng Nghị thấy T bỏ gói ma túy vào dụng cụ lên bàn thì nghĩ T rủ sử dụng ma túy. Nghị khẳng định T không mua bán hay tổ chức sử dụng ma túy

Tang vật thu giữ gồm: 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt; 01 điện thoại di động Nokia số Imei 354164027235528 của Nguyễn Thành T; 01 điện thoại di động màu xanh, có chữ Redmi số IMEI 865140049702200 của Nguyễn Ngọc S; 01 điện thoại di động màu vàng nhạt, có chữ Iphone số IMEI 359317069183882 của Phạm Hồng Tr; tiền mặt 2.200.000 đồng (trong đó thu của T 900.000 đồng, của Ng 1.000.000 đồng, của S 300.000 đồng); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 ống thủy tinh (nỏ), 01 chai nhựa và 01 ống nhựa màu xanh; 01 xe mô tô biển số 72H5- 2127 (thu của T); 01 chiếc kéo nhỏ; 01 căn cước công dân của T; 01 căn cước công dân của S; 01 máy tính bảng của Ng; 01 xe mô tô biển số 72E1-124.33 (thu của Ng).

Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho bị cáo T 01 căn cước công dân, trả cho Sơn 01 căn cước công dân, trả Ng 01 xe mô tô biển số 72E1- 424.33 và 01 máy tính bảng (Theo quyết định xử lý vật chứng ngày 01/9/2020).

Tại Kết luận giám định số 334/GĐMT-PC09(Đ2) ngày 24/07/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu kết luận: Mẫu chất kết tinh không màu - trong suốt chứa trong 01 ống thủy tinh, được niêm phong trong một phong bì màu vàng, gửi đến giám định có khối lượng 0,4131 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

+ Đối với người đàn ông tên T1 đã bán ma túy cho Nguyễn Thành T, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

+ Đối với Ng, S và Tr có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T mang đến khi gặp nhau tại quán cà phê U, giữa các bên không bàn bạc thống nhất trước, không biết T có ma túy mang theo. Công an thành phố B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ng, S, Tr về hành vi trên.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSBR ngày 01/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Thành T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận giám định hay các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở việc xét hỏi và tranh luận công khai, dân chủ thể hiện:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù; Về xử lý vật chứng: đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 cây kéo; tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Nokia của T; trả lại cho S 01 điện thoại di động, Tr 01 điện thoại di động và trả lại T, Ng, S số tiền đã thu giữ, giao trả lại cho ông B 01 mô tô biển số 72H5-2127.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quan điểm luận tội của Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 17/7/2020 tại khu phố H, phường K, thành phố B, lực lượng Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Công an phường K, kiểm tra và bắt quả tang Nguyễn Thành T tàng trữ 0,4131 gam ma túy loại Methamphetamine, với mục đích sử dụng.

[2.2] Trước đó Nguyễn Thành T đã có hành vi mua ma túy và cất giấu để sử dụng, khi đến địa điểm là quán cà phê thì T gặp và đồng ý cho các đối tượng là Ng, S và Tr cùng sử dụng nhưng trước đó T không có bàn bạc với những đối tượng này, không phân công và chuẩn bị địa điểm cũng như công cụ

phương tiện để sử dụng, không có lợi ích phát sinh từ việc cùng sử dụng ma túy với nhau. Do đó hành vi của T chưa cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Hành vi đó đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[2.3] Đối với S và Ng là những người được đề nghị góp tiền để được T cho sử dụng cùng, nhưng cũng không gặp gỡ và bàn bạc trước với nhau, mục đích chỉ là mong muốn sử dụng trái phép chất ma túy; đối với Tr khi gặp T mới tham gia lấy ma túy cho vào dụng cụ với mục đích là sử dụng cùng nên các đối tượng này không phải là đồng phạm với T và đã bị Công an thành phố B xử phạt hành chính về hành vi trên.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, vì ma túy là chất độc gây nghiện ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của con người, là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn và các tội phạm khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy, nhưng vì bị cáo là người nghiện ma túy nên lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải có một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo một thời gian để tập trung giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: không.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hợp tác trong quá trình điều tra nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại các T sản không liên quan đến việc phạm tội gồm các căn cước công dân của T và S; 01 xe mô tô và 01 máy tính bảng cho Ng theo Quyết định xử lý vật chứng ngày 01/9/2020 là phù hợp với quy định.

+ Đối với số ma túy thu giữ và được niêm phong là tang vật của vụ án, 01 bộ dụng cụ dùng sử dụng ma túy và 01 cây kéo nhỏ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu của T, bị cáo khai nhận dùng để liên lạc mua ma túy với đối tượng tên T1 cần tịch thu sung công, số tiền 900.000 đồng thu của T là tiền cá nhân nên trả lại cho bị cáo; đối với 01 điện thoại di động màu xanh có chữ REDMI và 300.000 đồng thu của S; 01 điện thoại di động màu vàng nhạ hiệu IPHONE hiệu Nokia thu của Tr; số tiền

1.000.000 đồng thu của Ng là các T sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các chủ sở hữu.

+ Đối với xe mô tô biển số 72H5- 2127, quá trình điều tra xác định xe đứng tên ông A, sinh năm 1930. Ông A bán cho ông B (là cậu của T) nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bị cáo T mượn xe sử dụng để đi lại. Qua xác minh ông A hiện đã chết, không rõ người thân là ai. Công an thành phố B thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe trên nhưng không có kết quả. Vì vậy, cần giao lại chiếc xe cho ông B, trường hợp có tranh chấp thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

[7] Đối với các đối tượng (tên T1) đã bán ma túy cho bị cáo, hiện chưa xác định được khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 01 năm 03 tháng tù (Một năm ba tháng tù), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: số ma túy được niêm phong trong 01 phong bì đánh số 334 ngày 24/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; 01 bộ dụng cụ dùng sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, 01 ống nhựa màu xanh và 01 cây kéo.

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động Nokia (Thu của của Nguyễn Thành T).

- Trả lại cho Nguyễn Thành T: số tiền 900.000 đồng, trả lại cho Nguyễn Ngọc S 01 điện thoại di động màu xanh có chữ REDMI và 300.000 đồng; trả lại cho Phạm Hồng Tr 01 điện thoại di động màu vàng nhật hiệu IPHONE; trả lại cho Bùi Hữu Ng số tiền 1.000.000 đồng.

- Giao lại cho ông Trần Hồng B 01 xe mô tô biển số 72H5- 2127, trường hợp có tranh chấp thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

(Vật chứng nêu trên đang giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-02-2021)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (Người vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND; VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BRVT;
- THADS thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

